

Số: 29/2024/QĐST-DS

Hà Tiên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên Q. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quang K, chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. Địa chỉ: Số E, đường T, khu phố B, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Văn K1, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ công ty.

Bị đơn:

- Ông Trần Giang T, sinh năm 1995.

- Bà Giang Thị M, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tô B, Khu phố D, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty TNHH một thành viên Q yêu cầu bà Giang Thị M và ông Trần Giang T thanh toán số tiền đã vay còn nợ lại công ty là 241.693.942 đồng, tiền lãi quá hạn là 38.066.808 đồng. Tổng cộng 279.760.750 đồng.

Bà M, ông T thống nhất còn nợ công ty TNHH MTV Q số tiền 279.760.750 đồng, trong đó vốn gốc 241.693.942 đồng, tiền lãi quá hạn là 38.066.808 đồng.

Thời hạn và phương thức thanh toán như sau: Số tiền 279.760.750 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn bảy trăm năm mươi đồng) nguyên đơn đồng ý để bà Giang Thị M, ông Trần Giang T trả cho nguyên đơn nhiều lần, mỗi lần trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)/tháng, thực hiện vào ngày 06 hàng tháng, bắt đầu thi hành vào ngày 06/9/2024 cho đến khi dứt nợ. Nếu bà M, ông T không thực hiện đúng cam kết bất cứ kỳ trả nợ nào thì các nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành hết khoản nợ còn lại.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ số tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi bà M, ông T thanh toán hết số nợ cho công ty TNHH MTV Q thì công ty sẽ giao trả cho bà Giang Thị M và ông Trần Giang T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 147798 do UBND thị xã H cấp ngày 09/6/2005 cho bà Trần Thị H, chuyển biến động sang tên ông Trần Giang T vào ngày 09/7/2018.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn bà Giang Thị M và ông Trần Giang T tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.994.018 đồng (sáu triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn không trăm mười tám đồng), mỗi người một nửa số tiền 3.497.009 đồng (Ba triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn không trăm lẻ chín đồng), do bà M là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên bà M được miễn tiền

án phí, do đó ông **T** phải nộp số tiền 3.497.009 đồng (ba triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn không trăm lẻ chín đồng).

Trả lại cho **TNHH Q** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.849.130 đồng (Mười hai triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn một trăm ba mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0002027 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Đình Đ